TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS - ST
Ngày: 29/9/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hòa Hợp.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST – DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Ngân hàng T

Địa chỉ: đường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hoàng N; Chức vụ: Trưởng phòng bán lẻ - Ngân hàng T – chi nhánh Sóc Trăng; (theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019) (có mặt)

Địa chỉ: 24C Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm: 1969; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H; sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Thị Thu H có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng vay vốn, cụ thể:

Hợp đồng cho vay hạn mức số: 67693/2018-HĐCVHM/NHCT822 ngày 27/4/2018; hạn mức tín dụng là: 2.950.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động mua bán lúa; Lãi suất vay: 6,5%/năm (theo chương trình nông nghiệp nông thôn, thời gian ưu đãi tối đa là 12 tháng theo từng GNN, lãi suất sau ưu đãi là 9,5%/năm) lãi suất phạt nợ quá hạn: 50% lãi suất vay trong hạn, phí phạt châm trả lãi, trả lãi vào ngày 30 hàng tháng. Thời hạn vay là: 12 tháng/GNN, nợ gốc trả làm 12 tháng theo từng GNN.

Tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay:

1. Thực hiện theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 410 ngày 26/4/2017 được ký kết giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Thu H với Ngân hàng.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại:Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 142514 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/3/2017 do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên.

2. Thực hiện theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 382 ngày 18/01/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung HĐTC số 382.01 ngày 27/4/2017 được ký kết giữa ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu H với Ngân hàng.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 857, tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 528734 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/4/2016 do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Thu H không thanh toán nợ gốc và lãi đúng theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nhưng bà H không thực hiện.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng xin thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện, cụ thể không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 857, tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 528734 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/4/2016 do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên, trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không trả được nợ. Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2021 với tổng số tiền 1.055.242.089 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm

tám mươi chín đồng) (trong đó gốc là 850.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi trong hạn là 141.971.438 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi tám đồng); lãi quá hạn: 63.270.651 đồng (sáu mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, sáu trăm năm mươi mốt đồng) và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại:Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 142514 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/3/2017 do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H, thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà H và ông H, nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp được vì bà H và ông H đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2021 với tổng số tiền là 1.055.242.089 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm tám mươi chín đồng) (trong đó gốc là 850.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi trong hạn là 141.971.438 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi tám đồng); lãi quá hạn: 63.270.651 đồng (sáu mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, sáu trăm năm mươi mốt đồng) và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản bà H và ông H đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể phần đất tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại:Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 142514 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/3/2017 do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H và ông H nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho bà H và ông H được vì họ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà H và ông H. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và ông H.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 857, tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 528734 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/4/2016 do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên, trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không trả được nợ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện ủy quyền của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H hoàn trả số tiền vốn và lãi là 1.055.242.089 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm tám mươi chín đồng), trong đó gốc là 850.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi trong hạn là 141.971.438 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi tám đồng); lãi quá hạn: 63.270.651 đồng (sáu mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, sáu trăm năm mươi mốt đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bà H trả xong số nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà Nguyễn Thị Thu H có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là: Hợp đồng tín dụng số: 67693/2018/HĐTD ngày 27/4/2018 (bút lục từ 03 - 07), Giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án/dự án vay – trả nợ (Bút lục 14 - 15) các giấy nhận nợ (Bút lục 36-38) các chứng cứ nêu trên đều có chữ ký của bà H ở mục bên vay. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H biết, nhưng bà H không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà H đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì bà H không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc bà H không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, bà H là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà H hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại mục 3 của Hợp đồng tín dụng số: 67693/2018/HĐTD ngày 27/4/2018 thì Ngân hàng và bà H đã giao kết mức lãi suất cho vay là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, nên bà H phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà H phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số: 67693/2018/HĐTD ngày 27/4/2018 với số tiền lãi trong hạn là 141.971.438 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi tám đồng); lãi quá hạn: 63.270.651 đồng (sáu mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, sáu trăm năm mươi mốt đồng).

Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 205.242.089 đồng (hai trăm lẻ năm triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm tám mươi chín đồng), tổng cộng vốn và lãi là 1.055.242.089 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm tám mươi chín đồng).

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị Thu

H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 410 ngày 26/4/2017 đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tạiẤp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI142514 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 23/3/2017. Ngày 18/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xác định: Toàn bộ thửa đất nêu trên là đất trống, không có nhà cây trồng, vật kiến trúc gì trên đất. Tại ranh đất có hai bức tường: 01 bức tường nằm theo chiều rộng thửa đất có chiều cao khoảng 4m, chiều dài khoảng 20,86m; 01 bức tường nằm theo chiều dài thửa đất, phía giáp đường đal dân sinh, chiều dài khoảng 13,42m, cao khoảng 02m. Hai bức này không có giá trị sử dụng. Hiện nay không ai quản lý, sử dụng.

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh H đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của bà H và ông H để thế chấp cho Ngân hàng, nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà H. Mặt khác về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.350.000 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng đã nộp xong nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 43.657.263 đồng (Bốn mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228,

khoản 3 Điều 235, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày ngày xét xử với số tiền vay gốc 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 205.242.089 đồng (hai trăm lẻ năm triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm tám mươi chín đồng), tổng cộng vốn và lãi là 1.055.242.089 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm tám mươi chín đồng) và bà H còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 30/9/2021 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 410 ngày 26/4/2017 đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI142514 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 23/3/2017.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 1.350.000 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn đã nộp xong nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.350.000 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 43.657.263 đồng (Bốn mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại công thương Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 19.828.000 đồng (mười chín triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006096 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà